

Bản án số: 1267/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Huỳnh Văn Bé

2- Ông Lê Văn Rồi

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung – Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 967/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 181/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thanh N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 15, đường số 09, tổ 04, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hữu L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 15, đường số 355, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 20/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thanh N trình bày: Bà với ông Lê Hữu L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 212, ngày 22/10/2008. Sau khi kết hôn, ông bà sống chung tại địa chỉ nhà chồng: ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bắt đầu từ năm 2017. Nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó quan hệ vợ chồng lạnh nhạt, không còn tình cảm, không còn yêu thương và quan tâm chăm sóc nhau như vợ chồng. Ông bà đã ly thân và bà đã bỏ nhà chồng đi làm công nhân ở Đồng Nai từ năm 2017 cho đến nay.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Mai Yến N1, sinh ngày 24/10/2009. Trẻ N1 đang sống chung với ông L, bà yêu cầu giao trẻ N1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, Lợi ích hợp pháp của mình gồm: Trích lục Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Trích lục Bản sao Giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y) của nguyên đơn.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2019, trẻ Lê Mai Yến N1 khai: Cháu là con ruột của ba L, mẹ N. Cháu đang sống cùng ba L và gia đình nội. Hiện nay cháu đang học lớp 5, trường Tiểu học Lê Thị P, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ba mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được sống với ba và gia đình nội.

Ông Lê Hữu L đã được Tòa án tổng đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông Lê Hữu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thanh N với ông Lê Hữu L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 212, ngày 22/10/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà N thì mâu thuẫn giữa bà với ông L là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó quan hệ vợ chồng lạnh nhạt, không

còn tình cảm, không còn yêu thương và quan tâm chăm sóc nhau như vợ chồng. Ông bà đã ly thân và bà đã bỏ nhà chồng đi làm công nhân ở Đồng Nai từ năm 2017 cho đến nay. Ông L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L là có căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà N với ông L không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Mai Yên N1, sinh ngày 24/10/2009, trẻ N1 đang sống chung với ông L. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ N1, xét cần giao trẻ N1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có nên Tòa án không xem xét.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N xác định không có nên Tòa không xem xét.

Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên nghị nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thanh N được ly hôn với ông Lê Hữu L; Giấy chứng nhận kết hôn số 212, ngày 22/10/2008 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà N, ông L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Mai Yên N1, sinh ngày 24/10/2009. Giao trẻ N1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa án không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Mai Thanh N phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0022402 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; bà N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C, Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND xã T, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Xuân Lan